

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương quý I năm 2023

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các huyện, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu-chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 100/2016/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành định mức phân bổ và định mức chi các khoản chi thường xuyên thuộc ngân sách tỉnh, huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn;

Thực hiện Công văn số 1047b/UBND-TH ngày 03/7/2017 của UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về việc ủy quyền công khai tài chính;

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2023, phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2023 như sau:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quý I năm 2023:

Tổng thu ngân sách thành phố quý I năm 2023: 240.552 triệu đồng, sau khi trừ thu chuyển nguồn năm 2022 (3.352 triệu đồng), thu ngân sách thành phố so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 37,21% (237.200 triệu đồng/637.529 triệu đồng).

Tổng thu ngân sách nhà nước quý I năm 2023 trên địa bàn là: 130.665 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 36,78% (130.665 triệu đồng/355.300 triệu đồng).

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương quý I năm 2023:

Chi cân đối ngân sách địa phương quý I năm 2023: 201.509 triệu đồng, đạt 31,61% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (201.509 triệu đồng/637.529 triệu đồng), trong đó chi đầu tư thực hiện 63.736 triệu đồng đạt 115,88% dự toán Hội đồng (63.736 triệu đồng/55.000 triệu đồng), chi thường xuyên thực hiện 129.520 triệu

đồng, đạt 24,10% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (129.520 triệu đồng/537.426 triệu đồng).

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách tỉnh bổ sung cho NS thành phố là: 8,253 triệu đồng.

(Chi tiết theo các biểu mẫu số 93, 94, 95/CK-NSNN đính kèm).^{1/1}

Nơi nhận :

- UBND TP (b/c);
- Sở Tài chính NT;
- Đăng trên cổng thông tin điện tử TP;
- Lưu: TCKH.

TRƯỞNG PHÒNG



Vũ Thị Minh Ánh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
A	TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	355.300	130.670	36,78%	124,93%
I	Thu cân đối NSNN	355.300	130.665	36,78%	124,94%
1	Thu nội địa	355.300	130.665	36,78%	124,94%
2	Thu viện trợ				
II	Thu các khoản huy động đóng góp		5		62,50%
B	THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	637.529	240.552	37,73%	99,00%
I	Thu ngân sách Thành phố hưởng theo phân cấp	276.200	123.105	44,57%	117,70%
1	Các khoản thu ngân sách Thành phố hưởng 100%	276.200	123.105	44,57%	117,70%
2	Các khoản thu phân chia ngân sách thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)				
II	Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh	361.329	114.096	31,58%	136,77%
1	Bổ sung cân đối	328.316	82.080	25,00%	99,53%
2	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	0	0		
3	Bổ sung có mục tiêu	33.013	32.016		3362,99%
III	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0		
IV	Thu chuyển nguồn	0	3.352		6,10%
V	Thu kết dư	0	0		
VI	Thu quản lý qua ngân sách	0	0		0,00%
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	637.529	201.509	31,61%	119,92%
I	Chi đầu tư phát triển	55.000	63.736	115,88%	235,71%
II	Chi thường xuyên	537.426	129.520	24,10%	92,48%
III	Dự phòng ngân sách	12.090			
IV	Chi từ nguồn thu để lại qua ngân sách	0	0		
V	Chi các chương trình mục tiêu	33.013	8.253	25,00%	866,94%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3 = 2/1</i>	<i>4</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	355.300	130.665	37%	125%
I	Thu nội địa	355.300	130.665	37%	125%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	5.000	237	5%	47%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	82.400	25.749	31%	82%
4	Thuế thu nhập cá nhân	30.000	8.961	30%	94%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	65.000	17.713	27%	100%
7	Thu phí, lệ phí	11.000	6.103	55%	124%
8	Các khoản thu về nhà, đất	144.900	64.131	44%	132%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.700	1.092	30%	86%
-	Thu tiền sử dụng đất	120.000	61.392	51%	157%
	+ Ngân sách tỉnh	65.000	2.446	4%	
	+ Ngân sách huyện, thành phố	55.000	58.946	107%	
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	21.200	1.647	8%	20%
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	14.700	7.455	51%	254%
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản				
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác (Các khoản thu tại xã)	2.300	312	14%	1218%
II	Thu viện trợ				
III	Các khoản huy động, đóng góp		5		65%
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	637.529	117.447	18%	47%
1	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua ngân sách				
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Tỉnh	361.329	114.096	32%	137%
	Thu bổ sung cân đối	328.316	82.080	25%	100%
	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				
	Thu bổ sung có mục tiêu	33.013	32.016	97%	3363%
3	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
4	Thu chuyển nguồn		3.352		5%
5	Thu kết dư				
6	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	276.200	123.105	45%	118%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quy I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	637.529	201.509	32%	118%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	604.516	193.256	32%	124%
I	Chi đầu tư phát triển	55.000	63.736	116%	162%
1	Chi đầu tư cho các dự án	55.000	63.736	116%	162%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	537.426	129.520	24%	112%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	258.969	57.659	22%	103%
2	Chi an ninh quốc phòng	15.495	3.640	23%	93%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	585	4.872		3162%
4	Chi văn hoá thông tin, thể dục thể thao và truyền thanh	5.192	757	15%	74%
5	Chi bảo vệ môi trường	45.000	21.552	48%	156%
6	Chi hoạt động kinh tế	62.180	18.936	30%	145%
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	83.018	6.162	7%	34%
8	Chi khác ngân sách	2.494	1.700	68%	221%
9	Chi bảo đảm xã hội	59.616	14.242	24%	160%
10	Giữ nguồn 10% tiết kiệm và nguồn cải cách tiền lương	4.878			
III	Dự phòng ngân sách	12.090		0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	33.013	8.253	25%	55%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		0		0%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	33.013	8.253	25%	55%
C	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách				
D	Chi nộp ngân sách cấp trên				